

BÁO CÁO

Việc thực hiện chính sách, pháp luật về đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập giai đoạn 2018 - 2023

Thực hiện Kế hoạch giám sát số 02/KH-ĐGS ngày 25/01/2024 của Đoàn giám sát - Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh về giám sát chuyên đề "Việc thực hiện chính sách, pháp luật về đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập giai đoạn 2018 - 2023" trên địa bàn tỉnh; Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo kết quả thực hiện như sau:

PHẦN I

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ ĐỔI MỚI HỆ THỐNG TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ, NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG, HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP GIAI ĐOẠN 2018 - 2023

I. VIỆC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ ĐỔI MỚI HỆ THỐNG TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ, NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG, HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP

1. Việc quán triệt, triển khai thực hiện chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước về sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập

UBND tỉnh đã tổ chức hội nghị cán bộ chủ chốt các sở, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố nghiêm túc quán triệt, triển khai thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW; chỉ đạo các sở, ngành, địa phương, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh phối hợp với các cơ quan thông tin, tuyên truyền của tỉnh tổ chức quán triệt, tuyên truyền, phổ biến đến từng cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong cơ quan, đơn vị, địa phương về chủ trương và các nội dung chính của Nghị quyết; bên cạnh đó, các huyện, thị xã, thành phố đã chủ động tổ chức quán triệt và lồng ghép công tác tổ chức phổ biến quán triệt cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động ở cấp cơ sở trong các cuộc hội nghị, hội thảo và hội nghị cán bộ chủ chốt các cấp; trong đó chú trọng nội dung về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập và phù hợp với tình hình thực tế và định hướng

phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, gắn với việc thực hiện tinh giản biên chế, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm, nâng cao chất lượng, sử dụng hiệu quả đội ngũ nhân lực, thực hiện xã hội hoá, giảm chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước, góp phần cải cách hành chính.

2. Việc ban hành văn bản để thể chế hóa chủ trương về sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập

UBND tỉnh đã ban hành các kế hoạch, chương trình hành động để thể chế hóa chủ trương của Đảng về đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, cụ thể như sau:

- Quyết định số 1980/QĐ-UBND ngày 02/6/2017 về Kế hoạch sắp xếp, đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh Bình Định;

- Quyết định số 2413/QĐ-UBND ngày 17/7/2018 ban hành Kế hoạch triển khai Kế hoạch số 35-KH/TU của Tỉnh ủy triển khai Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập;

- Kế hoạch số 97/KH-UBND ngày 31/12/2020 triển khai thực hiện Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

- Công văn số 1568/UBND-NC ngày 28/3/2022 triển khai thực hiện Công điện số 209/CD-TTg ngày 28/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

- Kế hoạch số 148/KH-UBND ngày 31/10/2022 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Quyết định số 1046/QĐ-TTg ngày 06/9/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

- Kế hoạch số 173/KH-UBND ngày 30/12/2023 của UBND tỉnh về việc quản lý, sử dụng biên chế của tỉnh giai đoạn 2022 – 2026.

Các cơ quan, đơn vị, địa phương đã ban hành kế hoạch, triển khai thực hiện đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy tinh giản biên chế, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập theo định hướng chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh.

3. Đánh giá chung về những kết quả, tồn tại, hạn chế, những nội dung chưa triển khai thực hiện và nguyên nhân

Việc tổ chức học tập, quán triệt và triển khai thực hiện các Nghị quyết của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XII theo Nghị quyết số 19-NQ/TW đã được Tỉnh ủy, UBND tỉnh đặc biệt quan tâm và chỉ đạo sâu sát đến tất cả các cơ quan, đơn vị, địa phương; quá trình triển khai thực hiện bảo đảm nghiêm túc, chặt chẽ, đúng định hướng, nội dung theo chủ trương của Đảng và quy định của Chính phủ; phát huy vai trò, trách nhiệm người đứng đầu trong việc triển khai thực hiện chủ trương sắp xếp, tinh gọn bộ máy của Đảng, Nhà nước.

Căn cứ các văn bản quy định, UBND tỉnh đã tiến hành tổ chức, sắp xếp, kiện toàn các đơn vị sự nghiệp công lập theo hướng tinh gọn đầu mối, giảm bớt khâu trung gian, bảo đảm không có sự trùng lặp, chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ, bảo đảm tối đa hiệu quả của công tác chỉ đạo, điều hành, qua đó đã đem lại hiệu quả cao trong công tác quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực, tạo sự thống nhất về nhận thức và đồng thuận của các ngành, các cấp, các đơn vị sự nghiệp đối với việc đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ ĐỔI MỚI HỆ THỐNG TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ, NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG, HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ CỦA ĐỊA PHƯƠNG

1. Kết quả việc sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập

Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc tỉnh, trực thuộc Sở, ban ngành trước khi thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XII, Quyết định số 2413/QĐ-UBND ngày 17/7/2018 của UBND tỉnh (thời điểm ngày 31/12/2015) là 873 đơn vị.

Kết quả thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW (tính đến ngày 30/11/2023), số đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh là **720** đơn vị sự nghiệp, giảm 153 đơn vị so với năm 2015, *tỷ lệ giảm 17,53%*, cụ thể:

+ Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh: 07 đơn vị, giảm 02 (Trường Cao đẳng Bình Định, Viện Nghiên cứu phát triển kinh tế xã hội).

+ Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở, ban, ngành: 122 đơn vị (GDĐT: 53; GDNN: 4; y tế: 21; VHNTTTT: 12; khác: 32), giảm 92.

+ Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND cấp huyện: 591 đơn vị (GDĐT: 520; GDNN: 11; VHNTTTT: 11; khác: 49), giảm 59.

* Lĩnh vực giáo dục và đào tạo: Giảm 40 trường (thực hiện hợp nhất một số trường mầm non, tiểu học theo hướng trên địa bàn mỗi xã chỉ có 01 trường mầm non, tiểu học công lập)

* Lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp: Giảm 06 đơn vị

* Lĩnh vực y tế: Giảm 18 đơn vị

* Lĩnh vực khoa học và công nghệ: Giảm 02 đơn vị

* Lĩnh vực văn hóa, thông tin, thể thao: Giảm 16 đơn vị

* Lĩnh vực thông tin - tuyên truyền: Giảm 01 đơn vị

* Lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác: giảm 70 đơn vị.

Các đơn vị sau khi thực hiện sắp xếp đã tổ chức bộ máy phù hợp, cơ cấu đội ngũ cán bộ, viên chức gắn với vị trí việc làm; phương thức quản lý theo hướng tiên tiến, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, khoa học - công nghệ; hiệu quả hoạt động được đánh giá dựa trên sản phẩm, kết quả công việc.

2. Đánh giá việc quản lý biên chế và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

a) Quản lý biên chế

Số lượng người làm việc được UBND tỉnh giao qua các năm:

- + Năm 2018: Giao 29.098 người;
- + Năm 2019: Giao 28.481 người;
- + Năm 2020: Giao 27.707 người;
- + Năm 2021: Giao 27.020 người;
- + Năm 2022: Giao 26.479 người;
- + Năm 2023: Giao 25.938 người.

Việc quản lý và sử dụng biên chế, số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh được thực hiện đúng theo quy định của Nhà nước. Các cơ quan được giao biên chế, số lượng người làm việc đã thực hiện tuyển dụng người vào làm việc theo đúng nhu cầu, vị trí việc làm, bảo đảm tiêu chuẩn chức danh theo quy định. Thực hiện tinh giản biên chế đối với những viên chức không hoàn thành nhiệm vụ, không đạt tiêu chuẩn quy định về phẩm chất, năng lực, sức khỏe, những người dôi dư do xác định vị trí việc làm và sắp xếp tổ chức.

Phân loại viên chức theo vị trí việc làm và sắp xếp, bố trí lại cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp. Trong các đơn vị sự nghiệp công lập, UBND tỉnh phê duyệt Danh mục vị trí việc làm, Bản mô tả công việc và Khung năng lực của từng vị trí việc làm của 100% đơn vị trên địa bàn tỉnh. Hằng năm các cơ quan, đơn vị thực hiện nghiêm việc đánh giá, phân loại viên chức theo quy định để đưa ra khỏi đội ngũ công chức, viên chức đối với những người 02 năm liên tiếp không hoàn thành nhiệm vụ.

b) Tinh giản biên chế

Việc thực hiện tinh giản biên chế theo Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII được thực hiện đúng đối tượng, bảo đảm tỷ lệ tinh giản theo Đề án được UBND tỉnh phê duyệt. Kết quả thực hiện tinh giản biên chế:

Từ năm 2015 đến năm 2021, tỉnh đã thực hiện tinh giản được 3.008/30.028 người so với năm 2015, đạt tỷ lệ 10,01% theo Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị và Kế hoạch của tỉnh.

Đến năm 2023, tổng số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập là 25.938 người, tiếp tục giảm 1.082 người so với năm 2021.

Kết quả thực hiện: Từ năm 2015 đến nay, tỉnh đã giảm 4.090 người/25.938 người, tương ứng tỷ lệ 13,62%/20%.) Trong đó, giải quyết chính sách tinh giản biên chế là 317 người là viên chức trên tổng số 532 người được giải quyết chế độ, chính sách tinh giản biên chế.

c) Việc thực hiện về số lượng cấp phó:

Công tác bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp phó các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh được thực hiện nghiêm túc, theo quy định. Việc bổ nhiệm cấp phó hoặc tương đương tại các đơn vị sự nghiệp căn cứ theo quy định tại Quy định số 05-QĐ/TU ngày 07/12/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Quy định tiêu chuẩn chức danh cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý và Quyết định số 62/2017/QĐ-UBND ngày 20/11/2017 của UBND tỉnh Bình Định quy định khung tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo, quản lý cấp phòng và tương đương thuộc sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố. Số lượng lãnh đạo, quản lý trong các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh đảm bảo theo quy định.

Quá trình triển khai tổ chức thực hiện các cơ quan, đơn vị, địa phương làm tốt công tác tư tưởng, nâng cao nhận thức của cán bộ công chức, viên chức và người lao động về đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, tinh giản biên chế, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức gắn với vị trí việc làm. Do vậy, sau khi thực hiện sắp xếp, các đơn vị đã đi vào hoạt động ổn định theo đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức.

3. Đánh giá việc đẩy mạnh cung ứng dịch vụ sự nghiệp công theo cơ chế thị trường, thúc đẩy xã hội hóa dịch vụ sự nghiệp công

a) Đánh giá kết quả thực hiện đẩy mạnh cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập

Tính đến ngày 30/11/2023, có 100% đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh đã được giao tự chủ tài chính (720/720 đơn vị).

Việc giao quyền thực hiện cơ chế tự chủ về tài chính đã giúp các đơn vị sự nghiệp công lập chủ động trong việc sử dụng biên chế, tài sản và kinh phí một cách hợp lý, tăng cường khai thác nguồn thu, thu đúng, thu đủ để đảm bảo yêu cầu hoạt động của đơn vị, phát triển và mở rộng các hoạt động dịch vụ ngày càng đa dạng và phong phú hơn, nâng cao được chất lượng dịch vụ, đầu tư thêm được cơ sở vật chất; tạo được những chuyển biến tích cực trong quản lý tài chính, ngân sách ở các cơ quan, đơn vị và tạo ra cơ chế khuyến khích các cơ quan, đơn vị chi tiêu có hiệu quả, hướng đến kết quả đầu ra, tiết kiệm ngân sách.

b) Dịch vụ sự nghiệp công được cung ứng theo cơ chế thị trường gồm: Dịch vụ quản lý công viên, trồng và quản lý chăm sóc cây xanh, hoa cảnh vỉa hè, đường phố, dải phân cách, vòng xoay; Dịch vụ chiếu sáng đô thị; Dịch vụ thu gom, phân loại, vận chuyển, xử lý chất thải, vệ sinh công cộng. Ngày 01/12/2020, UBND tỉnh có Quyết định số 75/2020/QĐ-UBND ban hành Quy định về quản lý dịch vụ công đô thị trên địa bàn tỉnh Bình Định, đây là cơ sở để các Sở, ban, ngành, các địa phương trên địa bàn tỉnh triển khai công tác lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, cũng như triển khai quyết toán kinh phí thực hiện các dịch vụ sự nghiệp công sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh. Hiện nay, các dịch vụ công này ở một số địa phương không còn do Nhà nước cung cấp, mà đã được chuyển giao cho các doanh nghiệp là Công ty cổ phần do Nhà nước sở hữu trên 50% vốn

điều lệ, các doanh nghiệp khác trên địa bàn tỉnh triển khai thực hiện, cụ thể: Trên địa bàn thành phố Quy Nhơn, các dịch vụ này đã được UBND thành phố Quy Nhơn tổ chức đấu thầu công khai và các đơn vị trúng thầu là Công ty cổ phần Công viên cây xanh và Chiếu sáng đô thị Quy Nhơn, Công ty cổ phần Môi trường Bình Định; tuy nhiên, ở các địa phương khác của tỉnh, dịch vụ sự nghiệp công nói trên vẫn tiếp tục được Nhà nước tổ chức thực hiện, UBND các huyện, thị xã vẫn đang giao nhiệm vụ thực hiện dịch vụ này cho các đơn vị sự nghiệp công lập tại địa phương, ví dụ như: Ban Quản lý nước sạch và Vệ sinh môi trường huyện, Phòng Quản lý Đô thị thị xã,....

c) Việc triển khai giao quyền tự chủ tài chính cho các đơn vị sự nghiệp công lập đã mang lại một số kết quả tích cực như: Các đơn vị sự nghiệp công lập đã chủ động sử dụng nguồn kinh phí ngân sách nhà nước (NSNN) giao để thực hiện nhiệm vụ có hiệu quả; đồng thời chủ động sử dụng tài sản, nguồn nhân lực để phát triển và nâng cao số lượng, chất lượng hoạt động cung cấp dịch vụ sự nghiệp công từ đó phát triển nguồn thu, tăng cường hiệu quả hoạt động. Nguồn thu của các đơn vị sự nghiệp công lập cùng với nguồn kinh phí tiết kiệm 10% chi hoạt động thường xuyên NSNN giao đã góp phần bảo đảm bù đắp một phần nhu cầu tiền lương tăng thêm theo quy định của Chính phủ.

d) Về kế hoạch chuyển các đơn vị sự nghiệp công lập có đủ điều kiện thành Công ty cổ phần: Căn cứ quy định tại Nghị định số 150/2020/NĐ-CP và Quyết định số 26/2021/QĐ-TTg ngày 12/8/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục ngành, lĩnh vực thực hiện chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành Công ty cổ phần; Ngày 01/4/2022, Thủ tướng Chính phủ có Văn bản số 292/TTg-ĐMDN về việc phê duyệt danh mục ĐVSNCL thuộc UBND tỉnh Bình Định chuyển thành công ty cổ phần, theo đó thống nhất dừng cổ phần hóa đối với Trung tâm Giống cây trồng Bình Định và Ban Quản lý Cảng cá Bình Định, việc sắp xếp đối với Trung tâm Đăng kiểm phương tiện thủy bộ Bình Định và Trung tâm Quy hoạch và kiểm định xây dựng Bình Định sẽ được xem xét sau khi có chỉ đạo tổng thể của Thủ tướng Chính phủ và yêu cầu UBND tỉnh tiếp tục giải trình bổ sung về việc đáp ứng quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 150/2020/NĐ-CP: “Còn vốn nhà nước sau khi đã được xử lý tài chính và xác định lại giá trị đơn vị sự nghiệp công lập” của Trung tâm Đào tạo nghiệp vụ giao thông Bình Định. Tỉnh Bình Định đang thực hiện chuyển đổi Trung tâm Đào tạo nghiệp vụ giao thông vận tải Bình Định thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 3870/QĐ-UBND ngày 22/11/2022 của UBND tỉnh.

4. Đánh giá về việc nâng cao năng lực quản trị của đơn vị sự nghiệp công lập

Việc đổi mới phương thức quản lý, nâng cao năng lực quản trị của đơn vị sự nghiệp công lập luôn được quan tâm, góp phần nâng cao chất lượng hoạt động cung ứng các dịch vụ sự nghiệp công, đáp ứng yêu cầu của xã hội.

Các ngành thường xuyên tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nhằm đổi mới phương thức quản lý cho cán bộ quản lý trong ngành, góp phần nâng cao chất lượng hoạt động của đơn vị sự nghiệp. Việc ứng dụng công nghệ thông tin và khoa học - công

nghe tiên tiến trong quản lý điều hành thực hiện nhiệm vụ được quan tâm triển khai thực hiện. Các cơ quan, đơn vị trong tỉnh đã triển khai và sử dụng có hiệu quả phần mềm Quản lý văn bản và điều hành do Sở Thông tin và Truyền thông cung cấp. Nhiều ngành thực hiện tốt việc rà soát và sử dụng hạ tầng công nghệ thông tin như ngành y tế, 100% các cơ sở khám chữa bệnh tỉnh/huyện/xã sử dụng phần mềm HIS trong công tác quản lý bệnh viện; 100% các cơ sở khám chữa bệnh BHYT trên địa bàn tỉnh Bình Định đã thực hiện kết nối liên thông dữ liệu KCB và thanh toán BHYT với cơ quan Bảo hiểm xã hội thông qua hệ thống giám định điện tử.

Việc rà soát, hoàn thiện cơ cấu tổ chức bộ máy bên trong từng đơn vị được thực hiện theo hướng tinh gọn, giảm mạnh đầu mối, bỏ cấp trung gian. Các đơn vị sau khi thực hiện sáp nhập hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức; trật tự, kỷ cương trong quản lý, điều hành được thực hiện nghiêm túc.

5. Đánh giá việc hoàn thiện cơ chế tài chính; thực hiện cơ chế tự chủ đối với đơn vị sự nghiệp công lập, trọng tâm là tự chủ tài chính

Tỉnh Bình Định triển khai thực hiện cơ chế tự chủ theo các Nghị định của Chính phủ, UBND tỉnh ban hành Quyết định 3416/QĐ-UBND ngày 14/09/2023 về ban hành Kế hoạch đổi mới và nâng cao năng lực tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh và các sở, ngành trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2023 - 2025 và các năm tiếp theo. Việc triển khai giao quyền tự chủ tài chính cho các đơn vị sự nghiệp công lập đã mang lại một số kết quả tích cực như: Các đơn vị sự nghiệp công lập đã chủ động sử dụng nguồn kinh phí ngân sách nhà nước giao để thực hiện nhiệm vụ có hiệu quả; đồng thời chủ động sử dụng tài sản, nguồn nhân lực để phát triển và nâng cao số lượng, chất lượng hoạt động cung cấp dịch vụ sự nghiệp công từ đó phát triển nguồn thu, tăng cường hiệu quả hoạt động. Nguồn thu của các đơn vị sự nghiệp công lập cùng với nguồn kinh phí tiết kiệm 10% chi hoạt động thường xuyên ngân sách nhà nước giao đã góp phần bảo đảm bù đắp một phần nhu cầu tiền lương tăng thêm theo quy định của Chính phủ.

Các đơn vị sự nghiệp trên địa bàn tỉnh thực hiện thu các khoản phí, lệ phí theo mức thu quy định tại Quyết định số 76/2021/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 của UBND tỉnh đối với các loại phí thuộc thẩm quyền quyết định của địa phương; các khoản thu hoạt động dịch vụ sự nghiệp công, thu hoạt động dịch vụ khác do đơn vị tự quyết định và đơn giá Nhà nước đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công.

Hiện nay, có 12¹ đơn vị sự nghiệp công lập đã thực hiện thay thế trả lương từ ngân sách nhà nước bằng việc trả lương từ nguồn thu sự nghiệp.

6. Việc nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với đơn vị sự nghiệp công lập

Việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 21/NQ-CP ngày 21/3/2016 của Chính phủ về phân cấp quản lý nhà nước giữa Chính phủ và UBND tỉnh, thành

¹ Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Quy Nhơn; Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh; Phòng Công chứng số 1, số 2, số 3; Trung tâm Bán đấu giá tài sản; Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn; Trung tâm Quy hoạch nông nghiệp nông thôn; Bệnh viện Mắt; Bệnh viện Đa Khoa tỉnh; Bệnh viện Đa Khoa Khu vực Bồng Sơn; Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh.

phổ trực thuộc Trung ương và Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 24/6/2020 của Chính phủ về đẩy mạnh phân cấp quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực đã nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với ngành, lĩnh vực trên cơ sở xác định rõ ràng về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm giữa UBND tỉnh với các sở, ngành và UBND cấp huyện đảm bảo sự quản lý thống nhất của UBND tỉnh, phát huy được tính chủ động, trách nhiệm, sáng tạo của các sở, ngành và các cấp chính quyền địa phương, khắc phục tình trạng đùn đẩy trách nhiệm; đồng thời qua đó nâng cao trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn kiểm tra, thanh tra trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được phân cấp.

Căn cứ các quy định của Trung ương, Nghị định của Chính phủ và phân cấp quản lý cán bộ của Ban Thường vụ của Tỉnh ủy, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 10/2022/QĐ-UBND ngày 01/4/2022 quy định phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý của UBND tỉnh Bình Định.

PHẦN II

NHẬN XÉT, KIẾN NGHỊ

1. Đánh giá chung

a) Ưu điểm

- Việc tổ chức học tập, quán triệt và triển khai thực hiện các Nghị quyết của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khoá XII (Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW, Nghị quyết số 10/NQ-CP và Nghị quyết số 08/NQ-CP) đã được UBND tỉnh đặc biệt quan tâm và chỉ đạo sâu sát đến tất cả các cơ quan, đơn vị, địa phương, quá trình triển khai thực hiện bảo đảm nghiêm túc, chặt chẽ, đúng định hướng, nội dung theo chủ trương của Đảng, quy định của Chính phủ về đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập.

- UBND tỉnh đã đề ra một số chủ trương, chính sách về việc đổi mới, sắp xếp và quản lý tổ chức bộ máy, biên chế bảo đảm tính tổng thể, đồng bộ, liên thông, kết hợp hài hoà giữa kế thừa, ổn định với đổi mới, phát triển; gắn công tác đổi mới tổ chức bộ máy với đổi mới phương thức lãnh đạo, tinh giản biên chế và cải cách hành chính; cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; bố trí đủ nguồn lực cần thiết và có cơ chế, chính sách phù hợp với những người chịu tác động trực tiếp trong quá trình sắp xếp.

- Triển khai thực hiện đầy đủ, đảm bảo, kịp thời công tác xã hội hóa giáo dục; cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo; quy định mức thu học phí phù hợp với khả năng chi trả, đảm bảo, đáp ứng được yêu cầu, nguyện vọng của người dân; bên cạnh đó thực hiện tốt nội dung phân cấp và thực hiện tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các cơ sở giáo dục theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ, quy định rõ thẩm quyền và trách nhiệm của người đứng đầu trong quản lý,

điều hành đơn vị đã góp phần thực hiện hiệu quả công tác thu, chi, hỗ trợ học phí, xã hội hóa giáo dục.

- Các chính sách, quy định làm cơ sở cho việc thực hiện chủ trương đẩy mạnh xã hội hóa trong lĩnh vực y tế đã được Chính phủ nghiên cứu, ban hành trong thời gian qua đã góp phần phát triển hệ thống cơ sở cung ứng dịch vụ y tế ngoài công lập trên địa bàn, giảm quá tải bệnh nhân cho các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập; đáp ứng một phần nhu cầu của xã hội về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe cho người dân. Huy động được nhiều nguồn lực xã hội để cùng với ngân sách nhà nước đầu tư cho các lĩnh vực dịch vụ y tế công, tạo điều kiện cho ngân sách nhà nước tập trung đầu tư phát triển các cơ sở y tế công lập phục vụ những người nghèo, vùng nghèo và bảo đảm những dịch vụ cơ bản như: y tế dự phòng, quản lý và chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người dân, chăm sóc sức khỏe cơ bản cho đối tượng chính sách, người nghèo... Thúc đẩy hình thành cơ chế cạnh tranh giữa các loại hình tổ chức cung ứng dịch vụ công lập và ngoài công lập; góp phần mở rộng phạm vi và nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ của các cơ sở y tế.

b) Khó khăn

- Các cơ chế, chính sách và quy định của pháp luật đối với đơn vị sự nghiệp công lập chưa được đồng bộ, đầy đủ như: quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập theo ngành, lĩnh vực; danh mục dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu theo ngành, lĩnh vực; định mức kinh tế - kỹ thuật; khung giá đối với từng loại hình dịch vụ sự nghiệp công chưa ban hành kịp thời... dẫn đến các đơn vị sự nghiệp công lập chưa đủ cơ sở pháp lý để thực hiện, gây khó khăn và ảnh hưởng đến kết quả sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập và đẩy mạnh cơ chế tự chủ, xã hội hóa cung ứng dịch vụ sự nghiệp công; hướng dẫn việc xác định/xây dựng danh mục vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên ngành, định mức số lượng người làm việc, tiêu chuẩn chức danh trong đơn vị sự nghiệp công lập chưa kịp thời.

- Hiện nay giá dịch vụ y tế chưa bao gồm chi phí quản lý và chi phí khấu hao tài sản, thiết bị do vậy làm cho mức giá thấp dẫn đến các đơn vị thu không đủ bù chi, các bệnh viện đảm bảo chi thường xuyên (tập trung các bệnh viện lớn của tỉnh) nhưng chênh lệch thu chi cũng rất thấp. Yêu cầu về chuyển đổi số ngày càng cao tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (kết nối dữ liệu liên thông với BHXH Việt Nam để giám định chi, thực hiện Đề án 06, thực hiện bệnh án điện tử...) nhưng trong cơ cấu giá hiện nay không bao gồm chi phí về công nghệ thông tin. Các TTYT huyện, thị xã, thành phố và các bệnh viện chuyên khoa: Y học cổ truyền và PHCN, Lao và bệnh phổi, Tâm thần đều thu không đủ bù chi (mức giá thấp là một trong những nguyên nhân chính) do vậy ngân sách nhà nước phải cấp bù dẫn đến đơn vị không trích lập được các quỹ (quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, quỹ bổ sung thu nhập, quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi) từ đó đơn vị không có khả năng tái đầu tư (sửa chữa thiết bị, cải tạo nâng cấp cơ sở hạ tầng), không chi thu nhập tăng thêm cho nhân viên y tế... làm cho việc tuyển dụng nhân lực có chất lượng cao gặp nhiều khó khăn, nhất là bác sỹ.

- Luật Bảo hiểm y tế sửa đổi (hiện tại) đã có rất nhiều điểm bất cập, không phù hợp với thực tiễn. Mức đóng BHYT hiện nay là thấp so với chi phí điều trị của

người tham gia BHYT dẫn đến khả năng bảo toàn quỹ là khó khăn nếu mở rộng quyền lợi và phạm vi hưởng của người tham gia BHYT. Do Quỹ BHYT thấp nên nếu tăng cường thực hiện các kỹ thuật chuyên sâu và tăng cường phát triển kỹ thuật tại y tế cơ sở sẽ làm cho khả năng cân đối quỹ BHYT càng khó khăn hơn. Luật chưa quy định về đa dạng mức đóng và mức hưởng tương ứng với mức đóng. Các quy định về giám định chi phí KBCB còn nhiều bất cập, chưa có sự thống nhất giữa Bộ Y tế và BHXH Việt Nam gây khó khăn cho các cơ sở KBCB. Quyền lợi của người tham gia BHYT còn bị giới hạn ở nhiều lĩnh vực như chăm sóc sức khỏe ban đầu, phục hồi chức năng, điều trị các bệnh mạn tính, thanh toán khi tự đi khám bệnh, chữa bệnh...

- Chưa có sự thống nhất về tên gọi, về phân loại đơn vị sự nghiệp công lập giữa Luật Đất đai và các Nghị định của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, cụ thể:

+ Theo quy định khoản 3 Điều 54 và điểm e khoản 1 Điều 56 Luật Đất đai thì khi sử dụng đất xây dựng công trình sự nghiệp có 02 trường hợp: giao đất không thu tiền sử dụng đất áp dụng cho tổ chức sự nghiệp công lập chưa tự chủ tài chính; lựa chọn thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm hoặc thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê áp dụng cho tổ chức sự nghiệp công lập tự chủ tài chính.

+ Theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước: *“Tổ chức sự nghiệp công lập tự chủ tài chính (đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm toàn bộ chi phí hoạt động thường xuyên)...”*

Tuy nhiên, các Nghị định của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập (*trước đây theo Nghị định 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006, Nghị định 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015, Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 và hiện nay là Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021*) thì việc phân loại mức tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập gồm 04 loại: Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư; Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên; Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên; Đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên.

- Đối với các Tổ chức sự nghiệp công lập tự chủ tài chính được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất theo quy định của pháp luật trước ngày Luật Đất đai năm 2013 có hiệu lực thì phải chuyển sang thuê đất từ ngày 01/7/2014 và nộp tiền thuê đất và chỉ được hưởng ưu đãi miễn, giảm tiền thuê sau khi làm các thủ tục để được miễn, giảm theo quy định. Như vậy về bản chất, Nhà nước không thu nghĩa vụ tài chính đối với đất xây dựng công trình sự nghiệp và để được miễn tiền thuê đất thì đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính phải thực hiện một số thủ tục hành chính làm tốn thời gian cũng như phát sinh chi phí.

Thực tế, vì nguyên nhân khách quan cũng như chủ quan như: không kịp thời cập nhật chính sách, tình trạng giấy tờ hồ sơ liên quan đất xây dựng công trình sự nghiệp chưa đầy đủ tốn thời gian cho công tác tra cứu, thu thập, trích lục hồ sơ; vướng mắc liên quan quy hoạch chi tiết xây dựng của đất công trình sự nghiệp, liên quan thu hồi đất... nên làm chậm thủ tục quyết định cho thuê đất của địa phương, hợp đồng thuê đất ... dẫn đến chậm hồ sơ đề nghị miễn, giảm tiền thuê đất, vì vậy phải nộp tiền thuê đất phát sinh từ thời điểm chuyển sang thuê đất (ngày 01/7/2014) đến khi nộp hồ sơ đề được miễn, giảm tiền thuê đất.

Theo hướng dẫn xây dựng phương án tự chủ, tự chủ trách nhiệm về tài chính để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập không có nội dung chi phí tiền thuê đất do đất xây dựng công trình sự nghiệp của tổ chức sự nghiệp công chuyển từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang thuê đất thì thuộc đối tượng được xem xét miễn tiền thuê đất theo quy định hiện hành. Như vậy, việc phải nộp tiền thuê đất của những năm trước dẫn đến khó khăn cho các đơn vị do dự toán thu, chi hàng năm đã được thực hiện và được quyết toán (trong đó không bao gồm khoản tiền thuê đất phải nộp), nhất là các đơn vị trong lĩnh vực y tế do nguồn thu chủ yếu vẫn là nguồn thu từ giá dịch vụ khám, chữa bệnh tuy nhiên hiện vẫn chưa được kết cấu đầy đủ các yếu tố chi phí.

2. Các đề xuất, kiến nghị

a) Đề nghị Chính phủ sớm ban hành quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập theo ngành, lĩnh vực.

b) Kính đề nghị Quốc hội, Chính phủ chỉ đạo Bộ Nội vụ nghiên cứu, đề xuất sửa đổi Luật Cán bộ, công chức theo hướng bảo đảm sự liên thông giữa viên chức và công chức.

c) Đề nghị Bộ, ngành trình Chính phủ ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công, định mức kinh tế - kỹ thuật, khung giá đối với từng loại hình đơn vị sự nghiệp.

d) Đề nghị Bộ Tài chính trình Chính phủ ban hành Nghị định quy định chính sách khuyến khích xã hội hóa trong cung ứng dịch vụ sự nghiệp công.

đ) Đề nghị Bộ Nội vụ trình Chính phủ ban hành Đề án đổi mới cơ chế quản lý, tổ chức lại hệ thống đơn vị sự nghiệp công lập, trong đó cần xây dựng cụ thể danh mục các đơn vị sự nghiệp công lập thống nhất trong cả nước để địa phương thực hiện.

e) Kính đề nghị Quốc hội, Chính phủ chỉ đạo Bộ Y tế và Bảo hiểm xã hội Việt Nam sớm hoàn thiện dự thảo Luật Bảo hiểm y tế sửa đổi để trình Quốc hội ban hành trong năm 2024 đảm bảo đồng bộ với Luật Khám bệnh, chữa bệnh, phù hợp với tình hình thực tiễn và đảm bảo quyền lợi cho người tham gia BHYT, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

g) Kính đề nghị Quốc hội, Chính phủ chỉ đạo Bộ Y tế sớm xây dựng và ban hành giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo hướng tính đúng, tính đủ các yếu tố

chi phí của giá để tạo điều kiện cho các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh phát triển, giảm gánh nặng ngân sách phải cấp bù do thu không đủ chi, cải thiện đời sống cho nhân viên y tế.

UBND tỉnh Bình Định kính báo cáo Đoàn giám sát của Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh./

Nơi nhận:

- Đoàn giám sát của Đoàn ĐBQH tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: NV, TC, YT, GDĐT, LĐTBXH, KHCN;
- CVP, PVPTD;
- Lưu: VT, K7, K8, K17, K12.

Munt

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục 1

SỐ LƯỢNG VĂN BẢN ĐƯỢC BAN HÀNH LIÊN QUAN ĐẾN TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG CỦA ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP

(Kèm theo Báo cáo số / BC-UBND ngày .../02/2024 của UBND tỉnh)

I. VĂN BẢN ĐÃ BAN HÀNH

TT	TÊN VĂN BẢN (Tên văn bản, số văn bản, ngày ban hành)	CƠ QUAN BAN HÀNH	NGÀY CÓ HIỆU LỰC	TÌNH TRẠNG HIỆU LỰC ¹				GHI CHÚ
				Chưa có hiệu lực	Đang có hiệu lực	Hết hiệu lực một phần	Hết hiệu lực	
1	Quyết định số 1980/QĐ-UBND ngày 02/06/2017	UBND tỉnh	02/06/2017		X			
2	Quyết định số 2413/QĐ-UBND ngày 17/7/2018	UBND tỉnh	17/7/2018		X			
3	Kế hoạch số 97/KH-UBND ngày 31/12/2020	UBND tỉnh	31/12/2020		X			
4	Công văn số 197/SNV-TCBC&TCPCP ngày 30/01/2024	UBND tỉnh	30/01/2024		X			
Tổng số					04			

II. VĂN BẢN CHƯA BAN HÀNH

Không

¹ Đề nghị đánh dấu X vào cột hiệu lực tương ứng của văn bản.

Phụ lục 2

SỐ LƯỢNG CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP CỦA ĐỊA PHƯƠNG

(Kèm theo Báo cáo số / BC-UBND ngày .../02/2024 của UBND tỉnh)

I. CÁC NĂM 2015, 2017, 2018, 2019

TT	Đơn vị, lĩnh vực	Năm 2015					Năm 2017					Năm 2018					Năm 2019				
		Tổng cộng	Lĩnh vực				Tổng cộng	Lĩnh vực				Tổng cộng	Lĩnh vực				Tổng cộng	Lĩnh vực			
			ĐVSNC	ĐVSNC	ĐVSNC	ĐVSNC		ĐVSNC	ĐVSNC	ĐVSNC	ĐVSNC		ĐVSNC	ĐVSNC	ĐVSNC	ĐVSNC		ĐVSNC	ĐVSNC	ĐVSNC	ĐVSNC
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
	TỔNG	873	0	39	19	815	850	0	11	34	805	804	4	14	26	760	772	4	14	30	724
I	Lĩnh vực giáo dục - đào tạo	621				621	621				621	621				621	621				621
1	ĐVSNC thuộc UBND cấp tỉnh					0						0				0	0				0
2	ĐVSNC thuộc CQCM thuộc UBND cấp tỉnh	51				51	51				51	45				45	45				45
3	ĐVSNC thuộc tổ chức hành chính khác thuộc UBND cấp tỉnh (ghi rõ)					0															
4	ĐVSNC thuộc Chỉ cục thuộc Sở					0															
5	ĐVSNC thuộc UBND cấp huyện	570				570	570				570	576				576	576				576
6	ĐVSNC thuộc cơ quan Đảng, đoàn thể chính trị - xã hội																				
II	Lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp	20		1	1	18	20		1	1	18	20		1	1	18	20		1	1	18
1	ĐVSNC thuộc UBND cấp tỉnh	6				6	6				6	6				6	6				6
2	ĐVSNC thuộc CQCM thuộc UBND cấp tỉnh	3			1	2	3			1	2	3			1	2	3			1	2

[illegible]

[illegible]

4	ĐVSNCCL thuộc Chỉ cục thuộc Sở																				
5	ĐVSNCCL thuộc UBND cấp huyện																				
6	ĐVSNCCL thuộc cơ quan Đảng, đoàn thể chính trị - xã hội																				
VII	Sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác	154		38	18	98	131		10	33	88	103	4	13	25	61	71	4	13	29	25
1	ĐVSNCCL thuộc UBND cấp tỉnh	14		1	4	9	14		2	3	9	0					0				
2	ĐVSNCCL thuộc CQCM thuộc UBND cấp tỉnh	113		37	14	62	105		8	30	67	54	4	8	13	29	40	4	8	15	13
3	ĐVSNCCL thuộc tổ chức hành chính khác thuộc UBND cấp tỉnh (ghi rõ)											0					0				
4	ĐVSNCCL thuộc Chỉ cục thuộc Sở											0					0				
5	ĐVSNCCL thuộc UBND cấp huyện	27				27	12				12	49		5	12	32	31		5	14	12
6	ĐVSNCCL thuộc cơ quan Đảng, đoàn thể chính trị - xã hội																				

II. CÁC NĂM 2020, 2021, 2022, 2023

	Đơn vị, lĩnh vực	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
--	------------------	----------	----------	----------	----------

[illegible]

[illegible]

5	ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện																			
6	ĐVSNCL thuộc cơ quan Đảng, đoàn thể chính trị - xã hội																			
V	Lĩnh vực văn hóa, thể dục, thể thao	21				21	21				21	18				18	18			18
VI	Lĩnh vực thông tin và truyền thông	6				6	6				6	2			1	1	2			1 1
1	ĐVSNCL thuộc UBND cấp tỉnh																			
2	ĐVSNCL thuộc CQCM thuộc UBND cấp tỉnh	6				6	6				6	2			1	1	2			1 1
3	ĐVSNCL thuộc tổ chức hành chính khác thuộc UBND cấp tỉnh (ghi rõ)																			
4	ĐVSNCL thuộc Chi cục thuộc Sở																			
5	ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện																			
6	ĐVSNCL thuộc cơ quan Đảng, đoàn thể chính trị - xã hội																			
VII	Sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác	77	4	17	29	27	82	4	17	35	26	93	5	17	45	26	80	5	17	45 13
1	ĐVSNCL thuộc UBND cấp tỉnh	0					0					0					0			
2	ĐVSNCL thuộc CQCM thuộc UBND cấp tỉnh	43	4	10	15	14	47	4	10	19	14	57	5	10	28	14	47	5	10	28 4
3	ĐVSNCL thuộc tổ chức hành chính khác thuộc UBND cấp tỉnh (ghi rõ)	0					0					0					0			
4	ĐVSNCL thuộc Chi cục thuộc Sở	0					0					0					0			

5	ĐVSNCNCL thuộc cấp UBND huyện	34		7	14	13	35		7	16	12	36		7	17	12	33		7	17	9
6	ĐVSNCNCL thuộc cơ quan Đảng, đoàn thể chính trị - xã hội																				

III. SO SÁNH THỰC HIỆN NĂM 2023 VỚI CÁC NĂM 2021, 2017 VÀ 2015

So sánh thực hiện năm 2023 với năm 2021		So sánh thực hiện năm 2023 với năm 2017		So sánh thực hiện năm 2023 với năm 2015	
Số lượng ĐVSNCNCL tăng, giảm	Tỷ lệ tăng, giảm (%)	Số lượng ĐVSNCNCL tăng, giảm	Tỷ lệ tăng, giảm (%)	Số lượng ĐVSNCNCL tăng, giảm	Tỷ lệ tăng, giảm (%)
-14	1,9	-130	15,29	-153	17,53

Phụ lục 3
VỀ SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP
(Kèm theo Báo cáo số .../BC-UBND ngày .../02/2024 của UBND tỉnh)

TT	Nhiệm vụ	Đã thực hiện (Nội dung cụ thể)	Chưa thực hiện (Nêu rõ lý do)	Kiến nghị, đề xuất
1	Lĩnh vực giáo dục - đào tạo	Giảm 40 trường		
	Hình thành trường phổ thông nhiều cấp học (tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông).	Đã triển khai thực hiện (Quyết định số 2413/QĐ-UBND ngày 17/7/2018 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 08/NQ-CP ngày 24/01/2018 của Chính phủ và Kế hoạch số 35-KH/TU ngày 04/6/2018 của Tỉnh ủy; Công văn số 5509/UBND-VX ngày 11/9/2018 của UBND tỉnh về việc thực hiện rà soát, sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông; Công văn số 1763/SGDĐT-TCCB ngày 18/9/2018 của Sở GDĐT về việc thực hiện rà soát, sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông). Kết quả: đã sắp xếp, tinh gọn các cơ sở giáo dục còn 627 cơ sở giáo dục, trong đó 219 trường mầm non, 205 trường tiểu học, 148 trường trung học cơ sở, 55 trường trung học phổ thông.		
2	Lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp	Giảm 06 đơn vị		

TT	Nhiệm vụ	Đã thực hiện (Nội dung cụ thể)	Chưa thực hiện (Nêu rõ lý do)	Kiến nghị, đề xuất
	- Rà soát, sáp nhập trường trung cấp vào trường cao đẳng.	- Sáp nhập 03 Trường Trung cấp (Văn hóa - Nghệ thuật; Kinh tế Kỹ thuật, nghề Thủ công Mỹ nghệ và Kỹ thuật công nghệ Hoài Nhơn) vào Trường Cao đẳng Bình Định.		
	- Sắp xếp lại các đơn vị sự nghiệp giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn cấp tỉnh theo hướng về cơ bản chỉ còn một đầu mối đào tạo nghề công lập.	Hợp nhất 03 Trung tâm giáo dục nghề nghiệp trực thuộc Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh, Hội Nông dân tỉnh và Tỉnh đoàn thành Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp tỉnh Bình Định trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội		
	- Sắp xếp lại các đơn vị sự nghiệp giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn cấp tỉnh theo hướng về cơ bản chỉ còn một đầu mối đào tạo nghề công lập.	Đã triển khai thực hiện hoàn thành sáp nhập các Trường Cao đẳng Bình Định và Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Quy Nhơn (Đề án số 04/ĐA-UBND ngày 21/10/2020 của UBND tỉnh đề án sáp nhập Trường Cao đẳng Bình Định và Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Quy Nhơn).		
	- Sáp nhập trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục hướng nghiệp, trung tâm dạy nghề thành một cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn cấp huyện	Đã triển khai thực hiện hoàn thành việc chuyển giao, sáp nhập 11/11 TTGDTX-HN thành TTGDNN-GDTX cho UBND các huyện, thị xã, quản lý theo quy định (Kế hoạch số 16/KH-UBND ngày 14/4/2016 của UBND tỉnh; Quyết định số 1913/QĐ-UBND ngày 07/6/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh).		
3	Lĩnh vực y tế	Giảm 18 đơn vị		

TT	Nhiệm vụ	Đã thực hiện (Nội dung cụ thể)	Chưa thực hiện (Nêu rõ lý do)	Kiến nghị, đề xuất
	- Sáp nhập Trung tâm DSKHHGD vào Trung tâm Y tế huyện. - Thực hiện mô hình mỗi cấp huyện chỉ có một trung tâm y tế đa chức năng (trừ các huyện có bệnh viện đạt hạng II trở lên), bao gồm y tế dự phòng, dân số, khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng và các dịch vụ y tế khác.	- Sáp nhập Trung tâm Da liễu trực thuộc Sở Y tế vào Bệnh viện Đa khoa tỉnh và tổ chức lại thành Khoa Da liễu thuộc Bệnh viện Đa khoa tỉnh; - Tổ chức lại Trung tâm Y tế huyện Tây Sơn trực thuộc Sở Y tế trên cơ sở hợp nhất Bệnh viện Đa khoa khu vực Phú Phong và Trung tâm Y tế huyện Tây Sơn; - Sáp nhập 11 Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình vào 11 Trung tâm Y tế cấp huyện và tổ chức lại thành Phòng Dân số thuộc Trung tâm Y tế cấp huyện; - Hợp nhất Bệnh viện Y học cổ truyền và Bệnh viện Phục hồi chức năng thành Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng.		
	- Rà soát, sắp xếp hợp lý các phòng khám đa khoa khu vực	Giải thể phòng khám Đa khoa khu vực Hoài Hương, đang xây dựng đề án giải thể phòng khám Đa khoa khu vực Phú Tài.		
	- Nghiên cứu, sắp xếp lại các trạm y tế xã theo hướng nơi đã có cơ sở y tế trên địa bàn cấp xã thì có thể không thành lập trạm y tế xã	Đảm bảo 100% xã, phường, thị trấn có Trạm Y tế		
	- Sắp xếp các đơn vị làm nhiệm vụ y tế dự phòng cấp tỉnh thành trung tâm phòng ngừa và	- Thành lập Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Bình Định trực thuộc Sở Y tế trên cơ sở hợp nhất Trung tâm Y tế dự phòng, Trung tâm phòng chống HIV/AIDS, Trung tâm		

TT	Nhiệm vụ	Đã thực hiện (Nội dung cụ thể)	Chưa thực hiện (Nêu rõ lý do)	Kiến nghị, đề xuất
	kiểm soát dịch bệnh cùng cấp trên cơ sở sáp nhập các tổ chức, đơn vị có cùng chức năng, nhiệm vụ và hoạt động lồng ghép	Chăm sóc sức khỏe sinh sản, Trung tâm Truyền thông - Giáo dục sức khỏe, Trung tâm Phòng chống sốt rét và các bệnh nội tiết; Hợp nhất 05 đơn vị y tế dự phòng tuyến tỉnh thành Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh trực thuộc Sở Y tế tỉnh Bình Định;		
4	Lĩnh vực khoa học và công nghệ	Giảm 02 đơn vị		
	Rà soát, sắp xếp lại các tổ chức khoa học và công nghệ thuộc địa phương quản lý nhằm giảm mạnh đầu mối.	- Thành lập Trung tâm Thông tin - Ứng dụng khoa học và công nghệ trên cơ sở hợp nhất Trung tâm Thông tin và Thống kê khoa học và công nghệ và Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ;		
	Sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc sở Khoa học và Công nghệ theo hướng về cơ bản chỉ nên tổ chức một đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở.	- Thành lập Trung tâm Phân tích và Đo lường Chất lượng trên cơ sở sáp nhập Trung tâm Kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng vào Trung tâm Phân tích và Kiểm nghiệm.		
5	Lĩnh vực văn hóa, thể dục, thể thao	Giảm 16 đơn vị		
	- Rà soát, sắp xếp lại các đơn vị nghệ thuật biểu diễn công lập theo hướng mỗi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chỉ giữ lại một đoàn nghệ thuật công lập truyền thống tiêu biểu của	- Hợp nhất Nhà hát tuồng Đào Tấn và Đoàn Ca kịch Bài chòi Bình Định và tổ chức lại thành Nhà hát nghệ thuật truyền thống tỉnh Bình Định trực thuộc Sở Văn hoá và Thể thao;		

TT	Nhiệm vụ	Đã thực hiện (Nội dung cụ thể)	Chưa thực hiện (Nêu rõ lý do)	Kiến nghị, đề xuất
	địa phương.	- Hợp nhất Trường Năng khiếu Thể thao và Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể thao và tổ chức lại thành Trung tâm Huấn luyện và thi đấu thể thao tỉnh trực thuộc Sở Văn hóa và Thể thao;		
	- Hợp nhất trung tâm văn hóa và đoàn nghệ thuật cấp tỉnh thành một đầu mối; i; kiện toàn, củng cố thư viện công cộng cấp huyện...	- Sáp nhập Ban Quản lý Di tích vào Bảo tàng Tổng hợp tỉnh và tổ chức lại thành Bảo tàng tỉnh Bình Định; - Sáp nhập Trung tâm Phát hành phim và Chiếu bóng vào Trung tâm Văn hoá tỉnh và tổ chức lại thành Trung tâm Văn hoá - Điện ảnh trực thuộc Sở Văn hoá và Thể thao; - Hợp nhất Trường Năng khiếu Thể thao và Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể thao và tổ chức lại thành Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể thao tỉnh Bình Định trực thuộc Sở Văn hoá và Thể thao.		
	- Sáp nhập các trung tâm có chức năng, nhiệm vụ tương đồng thuộc sở văn hóa, thể thao và du lịch thành một đầu mối; sáp nhập các trung tâm văn hóa, trung tâm thể thao, nhà văn hóa... trên địa bàn cấp huyện thành một đầu mối.	Hợp nhất 11 Đài Truyền thanh cấp huyện và 11 Trung tâm Văn hóa, Thông tin - Thể thao cấp huyện thành 11 Trung tâm Văn hóa - Thông tin - Thể thao trực thuộc UBND cấp huyện.		
6	Lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn	Giảm 34 đơn vị sự nghiệp công lập		
	- Hợp nhất trạm chăn nuôi và thú y, trạm trồng trọt và bảo vệ thực vật, trạm khuyến nông,	- Chuyển giao 11 Trạm chăn nuôi và thú y, 10 Trạm Trồng trọt và bảo vệ thực vật về Ủy ban nhân dân cấp		

TT	Nhiệm vụ	Đã thực hiện (Nội dung cụ thể)	Chưa thực hiện (Nêu rõ lý do)	Kiến nghị, đề xuất
	khuyến ngư,... cấp huyện thành trung tâm dịch vụ nông nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện; sáp nhập các cơ quan tương ứng ở cấp tỉnh...	huyện để thành lập 11 Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện - Hợp nhất Trung tâm Giống vật nuôi và Trung tâm Giống thủy sản thành Trung tâm Giống nông nghiệp, tổ chức lại Trung tâm Khuyến nông trên cơ sở hợp nhất Trung tâm Khuyến nông và Ban Quản lý khu sinh thái Cồn Chim - Đàm Thị Nại. - Ban hành Quyết định số 2836/QĐ-UBND ngày 31/08/2022 về sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Giải thể Trạm Quản lý chất lượng nông lâm sản và Thủy sản, chuyển giao nhiệm vụ về Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản; Hợp nhất các Trạm Thủy sản: Tuy Phước, Phù Cát, Phù Mỹ và Hoài Nhơn thành Trạm Thủy sản liên huyện; Hợp nhất Trạm Thủy lợi Hà Thanh và Trạm Thủy lợi La Tinh thành Trạm Thủy lợi liên huyện.)		
	- Rà soát, sắp xếp lại, kiện toàn các ban quản lý rừng phòng hộ	Sắp xếp, kiện toàn các ban quản lý rừng phòng hộ đảm bảo theo quy định		
7	Lĩnh vực tài nguyên và môi trường	Giảm 02 đơn vị.		
	Chuyển các trung tâm phát triển quỹ đất về trực	Đã thực hiện sắp xếp, kiện toàn 11/11 Ban Quản lý dự án		

TT	Nhiệm vụ	Đã thực hiện (Nội dung cụ thể)	Chưa thực hiện (Nêu rõ lý do)	Kiến nghị, đề xuất
	thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện	cấp huyện (giảm 27 đơn vị) theo hướng sáp nhập Ban Quản lý Cụm công nghiệp, Trung tâm phát triển Quỹ đất và Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành Ban Quản lý dự án đầu tư và Phát triển quỹ đất huyện cho phù hợp với quy định hiện hành của pháp luật. Sáp nhập Trung tâm Công nghệ thông tin, Trung tâm Kỹ thuật dịch vụ tài nguyên và môi trường vào Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh		
8	Lĩnh vực bảo trợ xã hội, chăm sóc người có công			
	Hợp nhất các trung tâm bảo trợ có chức năng, nhiệm vụ tương đồng thành trung tâm bảo trợ đa chức năng	Sắp xếp, kiện toàn các các trung tâm bảo trợ đảm bảo theo quy định		
9	Các nội dung sắp xếp, tổ chức lại khác	- Sáp nhập Trung tâm Ứng dụng công nghệ thông tin - Viễn thông và Trung tâm Hạ tầng Công nghệ thông tin thành Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông trực thuộc Sở Thông tin và Truyền thông. - Thành lập Trung tâm Tin học - Công báo Bình Định trên cơ sở hợp nhất Trung tâm Tin học và Trung tâm Công báo trực thuộc Văn phòng UBND tỉnh, giảm 01 đơn vị. - Hợp nhất Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển		

TT	Nhiệm vụ	Đã thực hiện (Nội dung cụ thể)	Chưa thực hiện (Nêu rõ lý do)	Kiến nghị, đề xuất
		công nghiệp và Trung tâm Xúc tiến Thương mại và tổ chức lại thành Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại Bình Định, giảm 01 đơn vị. - Sắp xếp các Ban Quản lý dự án cấp tỉnh, cấp huyện: giảm 32 đơn vị. Căn cứ Luật xây dựng và các quy định liên quan đến đầu tư xây dựng, UBND tỉnh đã xây dựng trình Ban Thường vụ Tỉnh uỷ và triển khai thực hiện sắp xếp, sáp nhập 09 Ban Quản lý dự án thành 03 Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành cấp tỉnh (giảm 06 Ban) và đã thực hiện sắp xếp, kiện toàn 11/11 Ban Quản lý dự án cấp huyện (giảm 26 đơn vị) theo hướng sáp nhập Ban Quản lý Cụm công nghiệp, Trung tâm phát triển Quỹ đất và Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng thành Ban Quản lý Dự án đầu tư và phát triển quỹ đất huyện cho phù hợp với quy định hiện hành của pháp luật		

Phụ lục 4

SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC TRONG ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP DO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC BẢO ĐẢM CHI THƯỜNG XUYÊN VÀ ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP TỰ BẢO ĐẢM MỘT PHẦN CHI THƯỜNG XUYÊN

(Kèm theo Báo cáo số _____ / BC-UBND ngày .../02/2024 của UBND tỉnh)

TT	Lĩnh vực, tổ chức	Năm 2015				Năm 2017			Năm 2021				Năm 2023				So sánh năm 2023 với 2021				So sánh năm 2023 với 2017				So sánh năm 2023 với 2015				
		Tổng cộng	Biên chế		Hợp đồng chuyên môn, nghiệp vụ	Tổng cộng	Biên chế		Hợp đồng chuyên môn, nghiệp vụ	Tổng số	Biên chế		Hợp đồng chuyên môn, nghiệp vụ	Tổng cộng	Biên chế		Hợp đồng chuyên môn, nghiệp vụ	Biên chế		Hợp đồng chuyên môn, nghiệp vụ	Biên chế		Hợp đồng chuyên môn, nghiệp vụ	Biên chế		Hợp đồng chuyên môn, nghiệp vụ			
			Hưởng lương từ NSNN	Hưởng lương từ nguồn thu của ĐVSNC L			Số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao	Hưởng lương từ nguồn thu của ĐVSNC L			Số người làm việc được cấp có thẩm quyền	Hưởng lương từ nguồn thu của ĐVSNC L			Số biên chế tăng/giảm	Tỷ lệ tăng/giảm (%)		Số biên chế tăng/giảm	Tỷ lệ tăng/giảm (%)		Số biên chế tăng/giảm	Tỷ lệ tăng/giảm (%)							
1	2	3	4	5		7	8	9		11	12	13		15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
	TỔNG CỘNG (I+II+III+IV+V)	30.120	30.120	0	0	29.789	29.789	0	0	27.020	27.020	0	0	26.300	25.938	362	0	-720	2,7	0	0	-3.489	11,71	0	0	-3.820	12,68	0	0
I	Sự nghiệp Giáo dục - Đào tạo	21.388	21.388	0	0	21.184	21.184	0	0	20.049	20.049	0	0	20.615	20.615	0	0	566	2,8	0	0	-569	2,69	0	0	-773	3,61	0	0
II	Sự nghiệp Y tế	6213	6213	0	0	6.133	6133	0	0	4777	4777	0	0	4168	3806	362	0	4.168	87,3	0	0	-1.965	32,04	0	0	-2.045	32,91	0	0
III	Sự nghiệp Văn hóa, thông tin, thể thao và du lịch	613	613	0	0	613	613	0	0	592	592	0	0	589	589	0	0												
																		-3	0,5	0	0	-24	3,92	0	0	-24	3,92	0	0
IV	Sự nghiệp khác	1.591	1.591	0	0	1.562	1.562	0	0	992	992	0	0	928	928	0	0	-64	6,5	0	0	-634	40,59	0	0	-663	41,67	0	0

(Kèm theo Báo cáo số .../BC-UBND ngày .../02/2024 của UBND tỉnh)

Không giao biên chế và số lượng hợp đồng

Phụ lục 6
SỐ LƯỢNG CẤP PHÓ TRÊN MỘT ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP
(Kèm theo Báo cáo số .../BC-UBND ngày .../02/2024 của UBND tỉnh)

TT	Đơn vị, lĩnh vực	Số lượng lãnh đạo cấp phó/một đơn vị				So sánh thực hiện năm 2023 so với năm 2021		So sánh thực hiện năm 2023 so với năm 2017		So sánh thực hiện năm 2023 so với năm 2015	
		Năm 2015	Năm 2017	Năm 2021	Năm 2023	Số lượng lãnh đạo cấp phó tăng/ giảm	Tỷ lệ tăng/ giảm (%)	Số lượng lãnh đạo cấp phó tăng/ giảm	Tỷ lệ tăng/ giảm (%)	Số lượng lãnh đạo cấp phó tăng/ giảm	Tỷ lệ tăng/ giảm (%)
		964	953	931	913	-18	1,9	-40	4,2	-51	5,3
1	ĐVSNCN thuộc UBND tỉnh	20	16	13	11	-2	15,4	-5	31,3	-9	45
2	ĐVSNCN thuộc CQCM thuộc UBND cấp tỉnh (sở)	280	289	277	221	-56	20,2	-68	23,5	-59	21,1
3	ĐVSNCN thuộc tổ chức hành chính khác thuộc UBND cấp tỉnh	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	ĐVSNCN thuộc Chi cục thuộc Sở	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5	ĐVSNCN thuộc UBND cấp huyện	658	648	641	681	+40	6,2	+33	5,1%	+23	3,5

Phụ lục 7
SỐ LƯỢNG ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP CHUYỂN THÀNH CÔNG TY CỔ PHẦN, LOẠI HÌNH DOANH NGHIỆP KHÁC
(Kèm theo Báo cáo số _____ / BC-UBND ngày .../02/2024 của UBND tỉnh)

TT	ĐVSNCL đủ điều kiện chuyển thành công ty cổ phần theo quy định của cơ quan có thẩm quyền	ĐVSNCL được phê duyệt thành công ty cổ phần giai đoạn 2015 - 2023	ĐVSNCL đã chuyển thành công ty cổ phần	ĐVSNCL thuộc diện chuyển đổi nhưng chưa thực hiện chuyển thành công ty cổ phần	ĐVSNCL đã chuyển đổi thành loại hình doanh nghiệp khác	Lĩnh vực hoạt động
	Tổng cộng					
	Lĩnh vực Kinh tế và sự nghiệp khác					
1	Trung tâm Đào tạo nghiệp vụ giao thông vận tải	Đang thực hiện chuyển thành công ty cổ phần.				Đào tạo nghiệp vụ giao thông vận tải
2	Trung tâm Đăng kiểm phương tiện thủy bộ Bình Định	Tỉnh sẽ thực hiện sau khi có chỉ đạo tổng thể của Thủ tướng Chính phủ về sắp xếp các ĐVSNCL trong các ngành, lĩnh vực (Công văn số 292/TTg-ĐMDN ngày 01/4/2022)				Đăng kiểm phương tiện thủy bộ
3	Trung tâm Quy hoạch và Kiểm định xây dựng Bình Định					Quy hoạch và Kiểm định xây dựng

Phụ lục 8
SỐ LƯỢNG ĐƠN VỊ NGOÀI CÔNG LẬP CUNG ỨNG DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG TẠI ĐỊA PHƯƠNG
(Kèm theo Báo cáo số .../BC-UBND ngày .../02/2024 của UBND tỉnh)

TT	Đơn vị, lĩnh vực	Năm 2015	Năm 2017	Năm 2021	Năm 2023	So sánh thực hiện năm 2023 so với năm 2021		So sánh thực hiện năm 2023 so với năm 2017		So sánh thực hiện năm 2023 so với năm 2015	
						Số lượng tăng/ giảm	Tỷ lệ tăng/ giảm (%)	Số lượng tăng/ giảm	Tỷ lệ tăng/ giảm (%)	Số lượng tăng/ giảm	Tỷ lệ tăng/ giảm (%)
	Tổng cộng	32	42	64	67	+3	7,7	+25	59,5	+35	109
1	Lĩnh vực giáo dục - đào tạo	27	35	52	53	+1	1,9	+18	51,4	+26	96,3
	Đại học										
	Cao đẳng										
	THPT	1	1	2	2	0		+1	100	+1	100
	THCS										
	Tiểu học										
	Mầm non	25	33	49	50	+1	2	+17	51,5	+25	100
	Trưởng phổ thông nhiều cấp học (Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông)	1	1	1	1	0		0		0	
2	Lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Cao đẳng nghề										
	Trung cấp nghề										
	Trung tâm dạy nghề										
3	Lĩnh vực y tế	5	7	12	14	+2	16,7	+7	100	+9	180

[illegible]

Phụ lục 9
SẮP XẾP CƠ CẤU TỔ CHỨC BÊN TRONG CỦA CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP CHƯA TỰ CHỦ¹
(Kèm theo Báo cáo số .../BC-UBND ngày .../02/2024 của UBND tỉnh)

TT	Nội dung	Số lượng các tổ chức, đơn vị trực thuộc ĐVSNCL			
		Năm 2015	Năm 2017	Năm 2021	Năm 2023
	Tổng cộng	508	482	476	460
1	ĐVSNCL thuộc UBND cấp tỉnh	21	19	18	16
2	ĐVSNCL thuộc CQCM thuộc UBND cấp tỉnh (Sở)	487	463	458	444
3	ĐVSNCL thuộc tổ chức hành chính khác thuộc UBND cấp tỉnh	0	0	0	0
4	ĐVSNCL thuộc Chi cục thuộc Sở	0	0	0	0
5	ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện	0	0	0	0
6	ĐVSCCL thuộc cơ quan Đảng, đoàn thể chính trị - xã hội	0	0	0	0

¹ Thống kê các tổ chức, đơn vị trực thuộc ĐVSNCL tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và ĐVSNCL do NSNN bảo đảm chi thường xuyên.

Phụ lục 10

DANH MỤC DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG SỬ DỤNG NSNN
(Kèm theo Báo cáo số / BC-UBND ngày .../02/2024 của UBND tỉnh)

TT	Ngành, lĩnh vực	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	Ghi chú
I	Lĩnh vực giáo dục - đào tạo	Quyết định số 186/QĐ-TTg ngày 10/02/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Danh mục Dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo	
1	Dịch vụ giáo dục mầm non và phổ thông		Dịch vụ SNC thiết yếu (Nhà nước bảo đảm kinh phí) và dịch vụ SNC cơ bản (Nhà nước hỗ trợ kinh phí)
2	Dịch vụ giáo dục thường xuyên		Dịch vụ SNC cơ bản (Nhà nước hỗ trợ kinh phí)
3	Dịch vụ khác		
II	Lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp		Dịch vụ SNC thiết yếu (Nhà nước bảo đảm kinh phí)
1	Dịch vụ đào tạo nghề học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm		
2	Dịch vụ đào tạo trình độ trung cấp (đối với ngành, nghề khó tuyển sinh nhưng xã hội có nhu cầu, các ngành chuyên môn đặc thù đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội, quốc phòng, an ninh)		
3	Dịch vụ đào tạo sơ cấp nghề, đào tạo		

	nghề dưới 03 tháng (<i>cho phụ nữ, lao động nông thôn, người khuyết tật, người thuộc hộ nghèo, cận nghèo, thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghỉ vụ công an, thanh niên tình nguyện hoàn thành nhiệm vụ thực hiện chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội</i>)		
4	Dịch vụ đào tạo nghề trình độ cao đẳng, trung cấp các nghề còn lại		
III	Lĩnh vực Ngoại vụ	Quyết định số 2097/QĐ-TTg ngày 14 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ: Ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước của Bộ Ngoại giao	Dịch vụ SNC thiết yếu (Nhà nước bảo đảm kinh phí)
IV	Lĩnh vực y tế		
1	Dịch vụ y tế dự phòng và chăm sóc sức khỏe ban đầu		
2	Dịch vụ khám, chữa bệnh, phục hồi chức năng		
3	Dịch vụ kiểm nghiệm, kiểm định		
4	Dịch vụ giám định		
5	Các dịch vụ do nhà nước đảm bảo theo các chương trình mục tiêu	Quyết định số 1387/QĐ-TTg ngày 13/7/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực Y tế - Dân số	Dịch vụ SNC thiết yếu (Nhà nước bảo đảm kinh phí) và dịch vụ SNC cơ bản (Nhà nước hỗ trợ kinh phí)

6	Dịch vụ y tế khác		Dịch vụ SNC cơ bản (Nhà nước hỗ trợ kinh phí)
V	Lĩnh vực thông tin và truyền thông	Quyết định số 1265/QĐ-TTg ngày 18 tháng 08 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ: Ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực thông tin và truyền thông	Dịch vụ SNC thiết yếu (Nhà nước bảo đảm kinh phí)
1	Dịch vụ báo chí, truyền thông		
2	Dịch vụ công nghệ thông tin		
VI	Lĩnh vực Nội vụ	Quyết định số 765/QĐ-TTg ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu sử dụng ngân sách nhà nước thuộc ngành, lĩnh vực Nội vụ	
VII	Lĩnh vực của ngành tài nguyên và môi trường	Quyết định số 1990/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ: Ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường	Dịch vụ SNC thiết yếu (Nhà nước bảo đảm kinh phí)
1	Hoạt động thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin, lưu trữ		
2	Hoạt động thuộc lĩnh vực đo đạc và bản đồ		
3	Hoạt động thuộc lĩnh vực quản lý đất đai		
4	Hoạt động thuộc lĩnh vực tài nguyên nước		
5	Hoạt động thuộc lĩnh vực khoáng sản		

6	Hoạt động thuộc lĩnh vực môi trường		
7	Hoạt động thuộc lĩnh vực khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu		
8	Hoạt động thuộc lĩnh vực biển và hải đảo		
VIII	Lĩnh vực GPMB		
1	Công tác bồi thường giải phóng mặt bằng		Dịch vụ SNC thiết yếu (Nhà nước bảo đảm kinh phí)
2	Công tác phát triển quỹ đất phục vụ tái định cư và phát triển kinh tế - xã hội		Dịch vụ SNC thiết yếu (Nhà nước bảo đảm kinh phí) và dịch vụ SNC cơ bản (Nhà nước hỗ trợ kinh phí)
3	Cung cấp dịch vụ công trong lĩnh vực bồi thường, giải phóng mặt bằng cho các tổ chức, cá nhân theo yêu cầu		Dịch vụ SNC thiết yếu (Nhà nước bảo đảm kinh phí)
IX	Lĩnh vực sự nghiệp lao động thương binh và xã hội	Quyết định số 1508/QĐ-TTg ngày 27 tháng 07 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ: Ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	
1	Dịch vụ chăm sóc người có công		Dịch vụ SNC thiết yếu (Nhà nước bảo đảm kinh phí)
2	Dịch vụ trợ giúp xã hội và bảo vệ chăm sóc trẻ em		
3	Dịch vụ phòng, chống tệ nạn xã hội		

4	Dịch vụ về việc làm		Dịch vụ SNC thiết yếu (Nhà nước bảo đảm kinh phí) và dịch vụ SNC cơ bản (Nhà nước hỗ trợ kinh phí)
5	Dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài		Dịch vụ SNC thiết yếu (Nhà nước bảo đảm kinh phí)
6	Dịch vụ xã hội trong cơ sở bảo trợ xã hội		Dịch vụ SNC cơ bản (Nhà nước hỗ trợ kinh phí)
7	Dịch vụ về an toàn vệ sinh lao động		
X	Hoạt động kinh tế nông nghiệp và phát triển nông thôn	Quyết định số 254/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ: Ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
1	Dịch vụ lĩnh vực trồng trọt		Dịch vụ SNC thiết yếu (Nhà nước bảo đảm kinh phí)
2	Dịch vụ lĩnh vực chăn nuôi		
3	Dịch vụ lĩnh vực bảo vệ thực vật		
4	Dịch vụ lĩnh vực thú y		
5	Dịch vụ lĩnh vực thủy sản		
6	Dịch vụ lĩnh vực lâm nghiệp		
7	Dịch vụ lĩnh vực thủy lợi		
9	Dịch vụ lĩnh vực quản lý chất lượng		Dịch vụ SNC cơ bản (Nhà nước hỗ trợ kinh phí)
10	Dịch vụ khác		

XI	Lĩnh vực Xây dựng	Quyết định số 162/QĐ-TTg ngày 31 tháng 01 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ: Ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước do Bộ Xây dựng quản lý	
XII	Lĩnh vực Công thương	Quyết định số 573/QĐ-TTg ngày 25 tháng 04 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ: Ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương	
XIII	Lĩnh Vực Giao thông vận tải	Quyết định số 1639/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ: Ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu ngành giao thông vận tải	
XIV	Lĩnh vực Tư pháp	Quyết định số 2069/QĐ-TTg ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ: Ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu thuộc ngành Tư pháp	
XV	Lĩnh vực Văn hóa và Thể thao	Quyết định số 156/QĐ-TTg ngày 29 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ: Ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực văn hóa, gia đình, thể dục, thể thao và du lịch	

Phụ lục 11

MÔ HÌNH HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ CỦA ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày .../02/2024 của UBND tỉnh)

TT	Ngành, lĩnh vực	Đã thành lập Hội đồng quản lý/ Hội đồng trường	Chưa thành lập Hội đồng quản lý/ Hội đồng trường
Không có			

Phụ lục 12

**DANH MỤC CÁC LUẬT, PHÁP LỆNH, NGHỊ QUYẾT ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NHẪM BẢO ĐẢM ĐỒNG BỘ
HỆ THỐNG PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN ĐẾN ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP**

(Kèm theo Báo cáo số _____ / BC-UBND ngày .../02/2024 của UBND tỉnh)

TT	Tên văn bản	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Lý do đề nghị sửa đổi, bổ sung
1	Luật Cán bộ, công chức	sửa đổi theo hướng bảo đảm sự liên thông giữa viên chức và công chức	Theo tình hình thực tế hiện nay